

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Bản án số: 200/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Bà Nguyễn Thị Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Bích T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số B đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Kết L, sinh năm 1971; nơi ĐKKHKT: Số B đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại Australia.

Bà Đoàn Bích T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Kết L vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đoàn Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T,

quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 21/3/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không phù hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Tháng 7/2017, ông L sang Úc lao động, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Bà T hiện không liên lạc với ông L nên không biết được địa chỉ của ông L tại Úc để cung cấp cho Tòa án, ông L chỉ liên lạc với các con chung qua điện thoại để hỏi han. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Kết L.

Về con chung: Bà T và ông L có 03 con chung là Phạm Yên L1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Phạm Đoàn Tiến T1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001 và Phạm Đoàn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011. Hiện con chung Phạm Yên L1 và Phạm Đoàn Tiến T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phạm Đoàn Phúc H, do anh L có nguyện vọng được nuôi cháu và sẽ đón cháu sang Úc để định cư, học tập nên chị T đồng ý. Đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh L nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T trình bày bà T và ông L sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phạm Kết L trong quá trình giải quyết vụ án:

Theo Công văn số 11334/QLXNC-P3 ngày 29/5/2024 của Cục Q - Bộ C thể hiện ông Phạm Kết L, sinh ngày 11/01/1971, đã xuất cảnh ngày 17/7/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Đoàn Tiến T1 là con trai ruột của ông Phạm Kết L. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2024, anh T1 trình bày: Ông Phạm Kết L và bà Đoàn Bích T là bố mẹ đẻ của anh T1. Ông L và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 21/3/1994. Sau khi kết hôn ông L và bà T chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Đến giữa năm 2017, ông L sang Úc lao động, ông L và bà T sống ly thân từ đó đến nay. Anh T1 đã thông báo cho ông L biết việc bà T xin ly hôn ông L tại Tòa án. Quan điểm của ông L là đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Ông L và bà T có 03 con chung là Phạm Yên L1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Phạm Đoàn Tiến T1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001 và Phạm Đoàn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011. Hiện con chung Phạm Yên L1 và Phạm Đoàn Tiến T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giao em trai Phạm Đoàn Phúc H cho ông L nuôi vì thực tế trong thời gian ở nước ngoài, ông L vẫn gửi tiền về cấp dưỡng nuôi em H. Mặt khác, dự định của ông L là cuối năm sẽ về Việt Nam để đón em H sang định cư tại Úc, đề nghị Tòa án xem xét giao em H cho ông L nuôi. Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết

theo quy định của pháp luật. Về địa chỉ nơi cư trú của ông L: Anh T1 không nắm rõ được địa chỉ ông L ở Úc nhưng vẫn liên lạc được với ông L qua điện thoại và thường xuyên trao đổi với ông L về các nội dung Tòa án thông báo nên ông L đã cung cấp các quan điểm như trên. Anh T1 cũng đã yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ tại Úc nhưng ông L không cung cấp địa chỉ chính xác cho anh T1 được biết. Địa chỉ ĐKKHKT và nơi ở của ông L trước khi đi Úc là: Số B đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng.

Do bà Đoàn Bích T đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 21/3/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông L đã sang Úc để lao động và ông bà sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế. Xét thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Phạm Yến L1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Phạm Đoàn Tiến T1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001 và Phạm Đoàn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011. Hiện con chung Phạm Yến L1 và Phạm Đoàn Tiến T1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Phạm Đoàn Phúc H, hiện đang ở với bà T. Xét thấy theo đề nghị của nguyên đơn bà T và đại diện gia đình trình bày về quan điểm của ông L đề nghị giao con chung Phạm Đoàn Phúc H cho ông L nuôi và không yêu cầu về cấp dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con nên đề nghị giao cháu H cho ông L nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đoàn Bích T xin ly hôn ông Phạm Kết L hiện đang cư trú tại Úc (theo Công văn số 11334/QLXNC-P3 ngày 29/5/2024 của Cục Q - Bộ C thể hiện ông Phạm Kết L, sinh ngày 11/01/1971, đã xuất cảnh ngày 17/7/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước). Địa chỉ nơi ĐKKHKT và nơi ở của ông L trước khi đi Úc là: Số B đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là bà Đoàn Bích T và bị đơn là ông Phạm Kết L cùng vắng mặt tại phiên tòa, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn ông L vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của bà Đoàn Bích T và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ông bà có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 21/3/1994, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, năm 2017, ông L đi Úc để lao động. Bà T và ông L sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà T được ly hôn ông Phạm Kết L.

[4] Về con chung: Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L có 03 con chung là Phạm Yến L1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Phạm Đoàn Tiến T1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001 và Phạm Đoàn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011. Hiện con chung Phạm Yến L1 và Phạm Đoàn Tiến T1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bà T đề nghị giao con chung Phạm Đoàn Phúc H cho ông L trực tiếp nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đại diện gia đình nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con Phạm Đoàn Phúc H cho ông L trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của

pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà T và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Bà Đoàn Bích T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Bích T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Bích T được ly hôn ông Phạm Kết L.

2. Về con chung: Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L có 03 con chung là Phạm Yến L1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Phạm Đoàn Tiến T1, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001 và Phạm Đoàn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011. Hiện con chung Phạm Yến L1 và Phạm Đoàn Tiến T1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao con chung tên là Phạm Đoàn Phúc H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011 cho ông Phạm Kết L trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Đoàn Bích T không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Đoàn Bích T và ông Phạm Kết L không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đoàn Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000356 ngày 15/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Bà Đoàn Bích T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Ông Phạm Kết L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 21/03/1994);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang